

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T1  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:55/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04/10/2019

(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa  
chị D và anh Q)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:**

Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà x, Ngõ xyz, phố HT, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (chị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà x, Ngõ xyz, phố HT, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hứa Thị D trình bày:*

Chị và anh Trần Q, sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại số nhà x, Ngõ xyz, phố HT, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 09/4/2014 được Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được

khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và thông cảm cho nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Q.

Về con chung, chị D xác định chị và anh Q có 02 con chung là Trần Sơn B, sinh ngày 16/10/2012 và Trần Hương Thảo V, sinh ngày 30/12/2014. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hương Thảo V, sinh ngày 30/12/2014; anh Q nuôi dưỡng con Trần Sơn B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, bà Phạm Thị L, sinh năm 1968, có địa chỉ tại Ngõ xyz, phố HT, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (bà L là mẹ đẻ anh Trần Q) trình bày:*

Bà là mẹ đẻ anh Trần Q, hiện nay con trai bà là anh Trần Q đang đi làm ăn ở Miền nam, địa chỉ cụ thể thì bà không rõ. Bà và gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị D xin ly hôn anh Trần Q, bà đã gọi điện cho anh Trần Q nhưng anh Q không về được. Con trai bà và chị D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2012, sau khi kết hôn anh Q và chị D ở thị trấn T1 một thời gian sau đó đi làm ăn, mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng anh Q và chị D bà không nắm rõ. Theo bà L, anh Q và chị D có 02 con chung là Trần Sơn B, sinh ngày 16/10/2012 và Trần Hương Thảo V, sinh ngày 30/12/2014. Bà không nắm rõ về tài sản, công nợ chung của vợ chồng anh Q và chị D. Bà đã động viên anh Q và chị D đoàn tụ nhưng anh chị không nghe. Anh Q gọi điện về cho bà và cũng muốn ly hôn. Về con chung, anh Q có nguyện vọng được nuôi con trai Trần Sơn B, giao con chung Trần Hương Thảo V cho chị D nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi chung cùng nhau. Về tài sản, anh Q không đề nghị giải Q. Do anh Q đi làm ăn xa, không về được, bà Lược nhận văn bản của Tòa án và cam kết thông báo và giao lại cho anh Q.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Hứa Thị D được ly hôn anh Trần Q. Về con chung, giao con chung Trần Sơn B, sinh ngày 16/10/2012 cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Hương Thảo V, sinh ngày 30/12/2014 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q và chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải Q.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải Q tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Hứa Thị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D và anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị D và anh Trần Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải Q ly hôn của chị D cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải Q vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và thông cảm cho nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay. Chị D có đơn xin ly hôn anh Q, qua gia đình, anh Q đồng ý. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị D và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Hứa Thị D được ly hôn anh Trần Q.

[3] Về con chung: Chị D và anh Q có 02 con chung là Trần Sơn B, sinh ngày 16/10/2012 và Trần Hương Thảo V, sinh ngày 30/12/2014. Giao con chung Trần Sơn B, sinh ngày 16/10/2012 cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Hương Thảo V, sinh ngày 30/12/2014 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; anh Q, chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải Q.

[5] Về án phí: Chị Hứa Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **về án phí và lệ phí tòa án:**

### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Xử cho chị Hứa Thị D được ly hôn anh Trần Q.

### **2. Về con chung:**

Giao con chung Trần Sơn B, sinh ngày 16/10/2012 cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Hương Thảo V, sinh ngày 30/12/2014 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; anh Q, chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

**3. Về tài sản chung:**

Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:**

Nguyên đơn là chị Hứa Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai số 0009191 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình. Chị Hứa Thị D đã nộp đủ án phí.

**5. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn là chị Hứa Thị D; bị đơn là anh Trần Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND thị trấn T1;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đông Ngọc Huyền**